

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

Bản án số: 27/2022/DS-PT

Ngày 30 - 8 - 2022

V/v tranh chấp đòi quyền
sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở
và tài sản khác gắn liền với đất.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thăng

Ông Phạm Trung Thực

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Ông Hoàng Văn Hưng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25 và 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ở nhờ.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đắc D, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số xx, đường T, phường T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; “có mặt”

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mai H, sinh năm 1978; Địa chỉ: P 3xx, tập thể Đại học L, tổ X phường D, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; “có mặt”

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Đắc C, sinh năm 1966; “*có mặt*”

2. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1972; “*có mặt*”

Đều địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đắc C: Ông Nguyễn Hùng P, luật sư Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên; “*có mặt*”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đắc D1, sinh năm 1960; “*có mặt*”

2. Bà Lương Thị S, sinh năm 1976; “*có mặt*”

Đều địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

3. Ông Nguyễn Đắc B, sinh năm 1974; “*có mặt*”

4. Bà Vũ Thúy B1, sinh năm 1975; “*có mặt*”

Đều địa chỉ: Số x, dãy X, T, khối 1x, phường H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;

5. Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1952; “*vắng mặt*”

6. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1953; “*vắng mặt*”

Đều địa chỉ: tổ 13, ấp 1, xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

7. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số xx, đường T, phường T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; “*có mặt*”

8. Chị Nguyễn Thị D2, sinh năm 1995; Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Đức K, sinh năm 1945; “*vắng mặt*”

2. Ông Đàm Đình T2, sinh năm 1953; “*vắng mặt*”

Đều địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

3. Ông Nguyễn Đắc O, sinh năm 1957; “*vắng mặt*”

4. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964; “*vắng mặt*”

Đều địa chỉ: thôn T, xã H, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

5. Cụ Lê Văn N, sinh năm 1933; Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; “*vắng mặt*”

6. Ông Trần Đình Q; Địa chỉ: thôn T, xã Đ huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; “*vắng mặt*”

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Đắc C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10 tháng 9 năm 2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đắc D trình bày: Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Đắc A và cụ Đàm Thị A1 sinh được 05 người con trai gồm: Nguyễn Đắc D1, Nguyễn Đắc O, Nguyễn Đắc B, Nguyễn Đắc C và ông. Năm 1988, ông được Nhà nước cử đi lao động tại Đức. Năm 1991, ông đã gửi 02 chiếc xe máy Honda DD về Việt Nam cho ông Nguyễn Đắc D1 và nhờ ông D1 bán xe lấy tiền mua hộ ông một mảnh đất ở thôn P, xã H, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Ông D1 đã thỏa thuận với ông Nguyễn Đức T1 người cùng thôn mua diện tích đất của gia đình ông T1 cho ông. Do ông D1 không biết chữ nên khi lập văn bản giấy tờ mua bán thì ông D1 đã bàn bạc để ông Nguyễn Đắc B ký tên trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T1. Sau khi ông D1 và ông B làm thủ tục mua đất hộ ông xong, do tiền bán xe vẫn còn thừa nên ông nhờ ông D1 xây hộ 01 nhà cấp 4 trên diện tích đất đã mua để sau này ông về thì có sẵn nhà để ở. Khi ông D1 xây hộ nhà xong, ông chưa hết hợp đồng xuất khẩu lao động ở bên Đức nên vẫn nhờ ông D1 quản lý giúp. Do ông Nguyễn Đắc C xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị A không có chỗ ở nên ông D1 ở nhà đã bàn bạc trong gia đình để cho vợ chồng ông C, bà A ra ở tạm nhà đất của ông.

Năm 1996, ông về nước nhưng không về quê sinh sống tại nhà đất trên mà cùng vợ con lên Lạng Sơn làm ăn. Thời điểm đó, ông biết vợ chồng ông C vẫn ở tại nhà đất của ông nhưng vì điều kiện ông C chưa mua được nhà nên ông vẫn cho vợ chồng ông C sử dụng nhà đất đó. Năm 2008, gia đình ông C lên Lạng Sơn làm ăn, lúc đó ông D1 ra bán hàng và trông nom nhà giúp ông.

Khoảng năm 2015, ông C về quê và đuổi ông D1 ra khỏi nhà đất của ông, không cho ông D1 sử dụng và tuyên bố nhà đất đó là của ông C nên anh em tổ chức họp gia đình tại Lạng Sơn. Tại buổi họp gia đình gồm 5 anh em trai, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị A, anh em thống nhất nội dung đất do ông D1 đứng lên mua hộ bằng tiền của ông, xây nhà trên đất là tiền của ông nên nhà đất đó là quyền sử dụng của ông. Ông C cũng thừa nhận đó là nhà đất của ông, không anh chị em nào có ý kiến gì. Cũng tại buổi họp gia đình năm 2015, do anh em thống nhất nhà đất là của ông nên ông C đã tự nguyện giao trả ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông C. Lúc đó, anh em ông mới được biết ông C đã tự ý đứng lên kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không thông báo cho bất kỳ anh em nào được biết. Từ đó, ông là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông C nhưng do hiểu

biết pháp luật kém và do là anh em ruột, chỉ nghĩ đã cầm sổ đỏ là xong nên ông cũng không làm đơn khiếu nại gì.

Năm 2017, do ông C đến UBND xã H nộp đơn khai báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông đã làm đơn đề nghị UBND xã H dừng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông C; làm đơn khiếu nại, gửi UBND xã H, UBND huyện K yêu cầu thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C. Năm 2019, UBND huyện K đã ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng C.

Năm 2017, anh em ông lại tiếp tục tổ chức buổi họp gia đình lần 2 tại nhà ông O ở thôn T, xã H, huyện Kim Động, gồm 5 anh em trai và 5 chị em dâu; ông Đàm Đình T và anh Lê Đức K chứng kiến. Tại buổi họp đã lập văn bản với nội dung toàn bộ nhà đất là quyền quản lý, sử dụng của ông cho vợ chồng ông C được sử dụng ở nhờ nhưng không được quyền bán. Biên bản họp được tất cả các anh chị em đều ký, không ai có ý kiến gì khác. Nhưng sau đó, vợ chồng ông C lại tuyên bố nhà đất của ông C và tranh chấp với ông.

Năm 2019, UBND huyện Kim Động đã ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông C với lý do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà A khi chưa có bất cứ giấy tờ gì chuyển quyền sử dụng đất là vi phạm Điều 50 Luật Đất đai 2003. Tuy nhiên, ông C, bà A không trả lại ông nhà đất mà ngang nhiên tuyên bố là tài sản do vợ chồng ông C, bà A tự tạo lập nên. Do đó, ông khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông B, ông D1, ông và ông T1, công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho ông đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 24, diện tích 407m² tại thôn P, xã H, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, diện tích đo đạc theo hiện trạng của Tòa án là 397,7m²; buộc vợ chồng ông Nguyễn Đắc C, bà Nguyễn Thị A phải bàn giao trả lại cho ông quyền sử dụng đối với thửa đất trên và quyền sở hữu nhà trên thửa đất. Ông chỉ chấp nhận thanh toán trả ông C, bà A giá trị các công trình xây dựng từ trước thời điểm xảy ra tranh chấp gồm bếp, công trình phụ, chuồng trại. Đối với ngôi nhà cấp 4 lợp tôn ông C, bà A xây sau khi ông đã khởi kiện và Tòa án đã có quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm thay đổi hiện trạng tài sản có tranh chấp thì ông yêu cầu ông C, bà A phải tự tháo dỡ để trả lại đất cho ông.

Bị đơn ông Nguyễn Đắc C trình bày: Diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông và ông Nguyễn Đắc D tại thôn P, xã H là do năm 1991 hoặc 1992, ông đi làm ăn ở Hồ Nai, Biên Hòa gửi tiền về cho bố ông là cụ Nguyễn Đắc A để mua đất giúp ông. Mỗi lần ông gửi về vài triệu đồng thông qua người quen hoặc mang về trực tiếp đưa cho cụ A. Người cầm tiền về giúp ông là ông Phạm Văn B người cùng thôn nhưng hiện nay ông B đang sinh sống ở Gia Lai, địa chỉ cụ thể ông không biết. Khi về địa phương thì ông được biết cụ A đã mua đất của ông Nguyễn Đức T1 người cùng thôn với giá

2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Việc ông gửi tiền về nhờ cụ A mua đất giúp ông thì chỉ có ông và cụ A biết, giữa ông và cụ A cũng không lập văn bản thỏa thuận gì. Cụ A có đưa giấy tờ mua bán đất của ông T1 cho ông cất giữ. Khi kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông đã nộp hết cho các cơ quan nhà nước nên không còn giữ giấy tờ gì. Sau khi mua đất, cùng năm đó, ông tiếp tục gửi tiền về nhờ cụ A xây nhà giúp ông. Cụ A đã xây 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất đã mua của ông T1. Năm 1993, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị A và sinh sống trên thửa đất. Vợ chồng có xây dựng thêm 05 gian chuồng lợn, bếp, bể nước mưa, công trình phụ, lát sân gạch đỏ vào những năm 1999, 2000. Tháng 11/2020, ông bà đã xây thêm nhà cấp 4 lợp tôn giáp đường để kinh doanh bán hàng. Quá trình sử dụng, ông còn san lấp rãnh nước của thôn trước cửa nhà và nộp số tiền 2.000.000 đồng cho ông trưởng thôn là ông Nguyễn Bá K nhưng không có giấy tờ. Năm 2008, UBND huyện Kim Động đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 0872xx ngày 01/3/2008 cho vợ chồng ông. Ngày 20/8/2013 thì được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số B0 6186xx ngày 20/8/2003. Ngày 28/5/2019, UBND huyện Kim Động có quyết định số 295/QĐ-UBND thu hồi hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông và bà A. Ông đã làm đơn khiếu nại, UBND huyện giữ nguyên quyết định thu hồi cho đến nay. Ông D cho rằng, ông đã trả lại giấy chứng nhận cho ông D, anh em họ gia đình để thống nhất ông bàn giao trả lại diện tích đất cho ông D là hoàn toàn không đúng. Lý do ông D có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông tự mang ra cho ông D xem và ông D giữ luôn không trả lại nên ông đã phải báo UBND xã xin cấp lại. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D cho rằng toàn bộ thửa đất số 21, TĐĐ số 24, diện tích 407m² và ngôi nhà hiện ông đang quản lý sử dụng là của ông D cho ông ở nhờ và buộc gia đình ông phải trả lại nhà đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H2 (vợ ông D) thống nhất với phần trình bày của ông D.
- Ông Nguyễn Đắc D1, ông Nguyễn Đắc B khai thống nhất với ông D về các nội dung nêu trên. Ông D1 và ông B xác nhận có sự việc khoảng năm 1991, 1992, ông D gửi 02 xe máy về nước nhờ ông D1 bán đi lấy tiền mua đất, làm nhà cho ông D. Ông D1 đã thỏa thuận mua đất của ông Nguyễn Đức T1 cho ông D và nhờ ông B ký tên giúp trong giấy tờ mua bán, nguồn tiền là của ông D. Giấy tờ mua bán đất với ông T1 do ông B cầm nhưng đã bị thất lạc. Sau đó, ông D1 là người đứng ra thuê thợ xây nhà, xây tường bao xung quanh đất cho ông D. Nay ông D1 và ông B xác định quyền sử dụng nhà đất là của ông D, các ông không có tranh chấp gì với ông D. Việc anh em và ông D cho vợ chồng ông C ở nhờ nhà đất là có thật nên đề nghị tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông D và ông T1, công nhận quyền sử dụng nhà đất cho ông D và buộc ông C, bà A phải trả lại nhà đất cho ông D.

- Bà Lương Thị S (vợ ông Nguyễn Đắc D1) và bà Vũ Thúy B1 (vợ ông Nguyễn Đắc B) xác định không có liên quan, tranh chấp gì với diện tích đất do ông B, ông D1 đứng tên mua hộ ông D.

- Ông Nguyễn Đức T1 và vợ là bà Trần Thị H1 trình bày: Năm 1991, 1992 do gia đình chuyển vào Đồng Nai sinh sống nên đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đắc D1 diện tích đất ở khoảng hơn 400m² tại thôn P, xã H với giá khoảng hơn 3.000.000 đồng. Ông D1 là người hỏi mua đất và đứng ra giao dịch nhưng khi lập giấy tờ, do ông D1 không biết chữ nên đã nhờ ông Nguyễn Đắc B là em trai đứng tên, nguồn tiền là do ông D đi lao động ở Đức gửi về. Ông B là người quản lý giấy tờ mua bán, ông không viết giấy bán đất cho cụ Nguyễn Đắc Á, không nhận tiền của cụ Á và ông C. Ngày 20/10/2017, khi UBND xã H và các cơ quan chức năng giải quyết tranh chấp đất giữa anh em ông D thì ông cũng đã viết giấy xác nhận về việc ông bán đất cho ông D1, vì ông D1 không biết chữ nên ông B đứng tên. Nay ông xác định không có tranh chấp với ông D1, ông B và ông D.

- Bà Nguyễn Thị A, vợ ông C thống nhất với lời khai của ông C và xác định đơn trình bày về việc nhà đất H ngày 06/10/2017 do ông D xuất trình, bà và ông C có ký vào đơn nhưng là do bị ông D và ông B lừa nên mới ký vì vậy bà không thừa nhận văn bản này do ông D xuất trình; không công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà là của ông D.

- Chị Nguyễn Thị D2, con gái ông C và bà A xác định ngôi nhà cấp 4 lợp tôn lạnh là do bố mẹ chị xây dựng, vợ chồng chị chỉ mượn để kinh doanh buôn bán.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Đắc O khai: Về nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp cũng như việc ông D gửi tiền về nhờ ông D1 mua hộ đất ông không được chứng kiến trực tiếp. Chỉ cách đây một vài năm khi anh em xảy ra mâu thuẫn và được các cơ quan chức năng giải quyết thì ông mới biết. Để giữ tình cảm anh em, ông và ông D1 đã lên Lạng Sơn tổ chức họp gia đình. Tại cuộc họp, ông D1 và ông B đều xác định diện tích đất ông C đang quản lý, sử dụng là của ông D do ông D1 đứng lên mua hộ và nhờ ông B đứng tên. Nhưng ông C, bà A không đồng tình vì ông C đã làm sổ đỏ mang tên ông C nay lại nói là của ông D. Ông C, bà A đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả cho vợ chồng ông D và bỏ về. Sau đó, ông C và ông D tiếp tục mâu thuẫn nên anh em trong gia đình lại tổ chức họp tại nhà ông. Hôm đó có đông đủ 5 anh em trai và 5 chị em dâu, có ông Đàm Đình T và ông Lê Đức K là họ hàng nội tộc chứng kiến. Tại buổi họp, anh em đã xác định diện tích đất là của ông D, do ông D gửi tiền nhờ ông D1 mua hộ và yêu cầu vợ chồng ông C đứng lên xin ông D nhưng ông C không nói gì. Anh em có lập biên bản họp thống nhất đất của ông D, quyền sử dụng của ông D và tất cả anh em cùng ký, nhưng ông không nhớ vợ chồng ông C có ký vào biên bản đó không. Nhưng sau đó, ông C, ông D không thống nhất được nên vẫn xảy ra tranh chấp, ông cũng muốn hòa

giải nhưng ông C không nghe. Nay ông D có đơn khởi kiện buộc vợ chồng ông C phải trả lại nhà đất thì quan điểm của ông là đề nghị tòa án xác minh, giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị V (vợ ông Nguyễn Đắc O) có lời khai thống nhất với ông O.

- Ông Lê Đức K khai: Ông có tham gia và chứng kiến buổi họp gia đình tại nhà ông O, thôn T, xã H. Tại buổi họp, các anh chị em ông D đều rất vui vẻ và xác định đất cát mua bán đã có giấy tờ và xác nhận đất đó là của ông D. Vợ chồng ông C hiện đang ở đó trông nom thì ông D nhất trí nhưng không được bán cho ai, quyền là của ông D. Biên bản họp gia đình được tất cả các anh chị em cùng ký, trong đó có cả vợ chồng ông C. Sau đó, anh em còn tổ chức buổi liên hoan vui vẻ với nhau. Ông cũng nghĩ sau buổi họp đó thì anh em sẽ vui vẻ và giữ được tình cảm tốt đẹp nhưng không ngờ lại xảy ra tranh chấp như hiện nay.

- Ông Đàm Đình Tr xác nhận có tham gia và chứng kiến buổi họp gia đình tại nhà ông O, thôn T, xã H. Tại buổi họp, các anh chị em ông D đều rất vui vẻ và xác định đất cát mua bán đã có giấy tờ và xác nhận đất đó là của ông D. Vợ chồng ông C hiện đang ở đó trông nom thì ông D nhất trí nhưng không được bán cho ai, quyền là của ông D. Biên bản họp gia đình được tất cả các anh chị em cùng ký, trong đó có cả vợ chồng ông C. Ông cũng ký vào biên bản này, trong biên bản thì ông D có ghi tôi cho em tôi là Nguyễn Đắc C sử dụng toàn quyền nhưng không được bán, không phải là trông nom.

- Ông Trần Đình Q (thợ mộc) xác nhận, năm 1990, ông D1 xã H có lên nhờ tổ mộc của ông xuống làm một căn nhà lợp ngói và trực tiếp là người thanh toán trả công thợ mộc.

- Ông Lê Văn N (thợ xây) xác nhận, cách đây khoảng hơn 20 năm, khi đó ông làm tổ trưởng tổ thợ xây có anh D1 ở P đến thuê ông xây dựng nhà. Các công trình ông D1 thuê gồm làm nhà cấp 4, xây tường bao, lát sân. Quá trình xây dựng ông D1 là người thuê và thanh toán trả công. Ông C không thanh toán trả khoản nào. Số tiền cụ thể ông không nhớ.

Sau khi tòa án thụ lý vụ án, ông C, bà A có hành vi xây dựng công trình trên diện tích đất đang có tranh chấp nên ngày 20/11/2020, ông D có đơn đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm thay đổi hiện trạng tài sản có tranh chấp. TAND huyện Kim Động đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 20/11/2020, cấm ông C, bà A không được thực hiện các hành vi tháo dỡ, lắp ghép, xây dựng thêm hoặc có hành vi khác làm thay đổi hiện trạng tài sản đang có tranh chấp là thửa đất số 21, TĐĐ số 24 thôn P, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 hiện đang do ông C, bà A quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, ông C, bà A không chấp hành mà vẫn xây dựng, hoàn thiện 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn, xây mới một đoạn tường bao phía trước nhà, trụ cổng.

UBND xã H cung cấp:

Theo bản đồ, sổ mục kê 299 đo vẽ năm 1986 thì thửa đất đang có tranh chấp giữa ông D và ông C thể hiện là thửa số 71a, TĐĐ số 07, diện tích 340m², đứng tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Đắc T1, trú tại thôn P, xã H.

Theo bản đồ và sổ mục kê đo vẽ năm 2007 thể hiện là thửa đất số 21, TĐĐ 24, diện tích sử dụng 407m², đứng tên chủ sử dụng ông Nguyễn Đắc C và bà Nguyễn Thị A, địa chỉ thôn P. Lý do diện tích đất tăng thêm là do sai số khi đo đạc.

Ngày 01/3/2008, ông C, bà A được UBND huyện Kim Động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0872XX; ngày 20/8/2013 được cấp đổi thành sổ 06186XX. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông C, bà A thì thửa đất có 300m² đất ở và 107,0m² là đất LNQ. Việc ghi như vậy là do theo quy định về hạn mức đất ở của hộ gia đình.

Tháng 8/2017, ông C đến UBND xã H trình bày mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị UBND xã hướng dẫn thủ tục xin cấp lại. Trong thời gian niêm yết công khai thủ tục thì UBND xã nhận được đơn của ông D và ông B đề nghị không cấp lại giấy cho ông C, ông C không bị mất sổ mà đã thống nhất giao cho ông D giữ. Ông D đã nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho UBND xã. UBND xã đã tiến hành làm việc với ông C nhưng ông C không cung cấp được bất cứ giấy tờ gì có liên quan đến thửa đất. UBND xã làm việc với ông Nguyễn Đức T1 thì được ông T1 xác định không chuyển nhượng đất cho ông C, bà A mà chỉ chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đắc D1.

Ngày 28/5/2019, UBND huyện Kim Động ban hành quyết định số 295/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C, bà A vì lý do: *Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông C, bà A khi chưa có giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Đức T1 cho ông Nguyễn Đắc C, bà Nguyễn Thị A hay bất kỳ giấy tờ liên quan mua bán, chuyển nhượng hay phân chia di sản thừa kế cho ông C, bà A là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.* Hiện nay, trong hồ sơ địa chính của UBND xã H, mục tên chủ sử dụng đất vẫn đứng tên ông C, bà A. Cán bộ chuyên môn chưa chỉnh lý do đất đang có tranh chấp và chưa có quyết định giải quyết có hiệu lực của tòa án.

Theo cung cấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Động thì ngày 28/5/2019, UBND huyện Kim Động đã ra quyết định số 295/QĐ-UBND, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 087241 cấp ngày 01/03/2008 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06186xx cấp ngày 20/8/2013 mang tên ông C, bà A. Thực hiện quyết định trên, Chi nhánh VPĐKKĐĐ đã thu hồi giấy chứng nhận cấp cho ông C, bà A và cập nhật chỉnh lý hồ sơ; hiện đang lưu trữ tại Chi nhánh VPĐKKĐĐ. Đến thời

điểm hiện nay thì Chi nhánh chưa nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 21, TĐĐ số 24 thôn P cho hộ gia đình, cá nhân nào.

Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá khối tài sản có tranh chấp, kết quả như sau:

* Diện tích đất đo đạc theo hiện trạng sử dụng là 397,7m², có tứ cận: Bắc giáp nhà văn hóa thôn và gia đình ông Đàm Đức H3; Nam giáp ngõ xóm; Tây giáp ngõ xóm; Đông giáp ngõ xóm. Trị giá 1m² đất ở là 1.000.000 đồng/m²; trị giá 1m² đất trồng cây lâu năm là 90.000 đồng/m².

* Tài sản trên đất gồm:

- 01 nhà cấp 4 lợp ngói diện tích 63,4m², trị giá 155.774.000 đồng
- 01 nhà cấp 4 lợp tôn lạnh mới xây, diện tích 115,9m², trị giá 254.980.000 đồng
- 01 bếp diện tích 16,6m², trị giá 34.312.000 đồng
- Sân gạch đỏ diện tích 100,6m², trị giá 13.973.000 đồng
- 01 nhà tắm đổ bê tông, diện tích 3,8m², trị giá 11.658.000 đồng
- 01 chuồng nuôi (nhà tạm) lợp ngói diện tích 19,0m², trị giá 29.051.000 đồng
- 01 nhà tạm lợp Proximang diện tích 16,4m², trị giá 19.270.000 đồng
- 02 trụ cổng, thể tích 0,704m³, trị giá 1.164.000 đồng
- Tường 110 bao trước nhà dài 1,9m, cao 1,9m, trị giá 2.087.000 đồng
- 01 cổng sắt, 02 cánh nan hoa, diện tích 7,9m², trị giá 1.351.000 đồng
- Tường 110 bao phía sau nhà, diện tích 16,92m²; trị giá 9.807.000 đồng
- 01 cây nhãn D30, trị giá 4.500.000 đồng.

Ngoài ra, ông C, bà A còn xây dựng một bậc hè trước cửa ngôi nhà cấp 4 lợp tôn lạnh mới xây. Bậc hè nằm ngoài ranh giới hiện trạng sử dụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên đã quyết định: Căn cứ các Điều 158, 160, 163, 164, 166, 221 BLDS; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đắc D, công nhận ông Nguyễn Đắc D có quyền sử dụng đối với thửa đất số 21, TĐĐ 24 thôn P, diện tích đo đạc thực tế 397,7m², có tứ cận: Bắc giáp nhà văn hóa thôn và gia đình ông Đàm Đức H3 dài (11,48+5,63+9,28)m; Nam giáp đường bê tông dài (8,99+4,20+5,16)m; Tây giáp ngõ xóm dài 22,20m; Đông giáp đường bê tông dài 3,15m + 13,5m (hình

A,B,C,D,E,F,G,H,I,A trên sơ đồ đo đạc) và quyền sở hữu đối với ngôi nhà cấp 4 lợp ngói diện tích 63,4m², đoạn tường bao phía sau nhà diện tích 16,92m² nằm trên thửa đất.

Buộc ông Nguyễn Đắc C, bà Nguyễn Thị A phải trả lại ông Nguyễn Đắc D thửa đất số 21, TĐĐ 24 thôn P, diện tích đo đạc thực tế 397,7m², có tứ cận Bắc giáp nhà văn hóa thôn và gia đình ông Đàm Đức H3 dài 11,48m + 9,28m; Nam giáp đường bê tông dài 8,99m + 4,20m + 5,16m; Tây giáp ngõ xóm dài 22,20m; Đông giáp đường bê tông dài 3,15 m + 13,5m (hình A,B,C,D,E,F,G,H,I,A trên sơ đồ đo đạc) và ngôi nhà cấp 4 lợp ngói diện tích 63,4m², đoạn tường bao phía sau nhà diện tích 16,92m². Ông C, bà A có trách nhiệm tháo dỡ các tài sản xây dựng trên đất gồm tường bao 110 trước nhà dài trị giá 2.087.000 đồng; 02 trụ cổng trị giá 1.164.000 đồng; 01 cổng sắt 02 cánh nan hoa trị giá 1.351.000 đồng; ngôi nhà xây cấp 4 lợp tôn lạnh diện tích 115,9m² và phần bậc hè trước nhà (được thể hiện trong sơ đồ đo đạc), trị giá 254.980.000 đồng; tổng giá trị tài sản là 259.528.000 đồng để trả lại quyền sử dụng đất cho ông D.

Giao cho ông Nguyễn Đắc D được sử dụng các công trình xây dựng và cây trồng trên đất do ông C, bà A tạo dựng gồm: 01 bếp diện tích 16,6m², trị giá 34.312.000 đồng; 01 nhà tắm đồ bê tông, diện tích 3,8m², trị giá 11.658.000 đồng; 01 chuồng nuôi (nhà tạm) lợp ngói diện tích 19,0m², trị giá 29.051.000 đồng; 01 nhà tạm lợp Proximang diện tích 16,4m², trị giá 19.270.000 đồng; sân lát gạch đỏ diện tích 100,6m², trị giá 13.973.000 đồng; 01 cây nhãn D30, trị giá 4.500.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông D thanh toán trả cho ông Nguyễn Đắc C, bà Nguyễn Thị A giá trị các công trình xây dựng và cây trồng nêu trên là 112.764.000 đồng.

(Tứ cận, mốc giới diện tích đất và tài sản trên đất ông C, bà A phải trả lại ông D; tứ cận, diện tích các tài sản giao cho ông D sử dụng; tứ cận diện tích các tài sản ông C, bà A phải tháo dỡ có sơ đồ đo đạc cụ thể kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Đắc D phải thanh toán tiền công sức trông nom, bảo quản tài sản cho ông Nguyễn Đắc C, bà Nguyễn Thị A số tiền là 50.000.000 đồng.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 20/11/2020 của TAND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cho đến khi thi hành án xong.

Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2020/QĐ-BPBD ngày 20/11/2020 của TAND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên hết hiệu lực khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông D có quyền liên hệ với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Kim Động để được tiếp tục sử dụng tài khoản thanh toán số 2403205269246, số dư tài khoản tại thời điểm 16 giờ 10 phút ngày 20/11/2020 theo Giấy thông báo về phong tỏa tài khoản thanh toán ngày 20/11/2020 của Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện Kim Động là 100.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành sẽ phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 BLDS.

Bản án còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, bị đơn ông Nguyễn Đắc C kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 24/01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động và bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đắc D.

Tại phiên tòa: Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đòi quyền sử dụng đất diện tích bị đơn đang quản lý, sử dụng và buộc bị đơn phải tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất sau khi đã xảy ra tranh chấp.

Bị đơn và luật sư không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định ông D là người nhận chuyển nhượng đất nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông D được sử dụng diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông T1, bà H1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: UBND huyện Kim Động đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Cảnh, bà Ánh do vi phạm Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 vì không có giấy tờ chuyển nhượng, trong khi ông T1 bà H1 đều xác định chuyển nhượng đất với ông D1 và do ông B đứng tên. Do đó đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác kháng cáo của bị đơn vì không có căn cứ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đều công nhận nguồn gốc đất tranh chấp là nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Đức T1, sau khi nhận chuyển nhượng đã xây nhà bốn gian lợp ngói, ông Nguyễn Đức C sinh sống trên đất từ năm 1993 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sau đó bị Ủy ban nhân dân huyện Kim Động thu hồi, gia đình đã họp bàn giải quyết tranh chấp đất năm 2015 và năm 2017 có lập văn bản nên theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự là tình tiết không phải chứng minh.

[3] Ông C xác định diện tích đất là nhờ bố mua hộ sau đó nhờ bố xây dựng nhà trên đất, quá trình sử dụng đất đã san lấp rãnh nước của thôn và nộp tiền cho trưởng thôn và nội dung văn bản ghi ngày 06/10/2017 không đúng với thỏa thuận của anh em nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ.

[4] Lời khai của nguyên đơn, phù hợp với lời khai của bị đơn, người liên quan và phù hợp với hồ sơ địa chính có căn cứ xác định thửa đất số 21, tờ bản đồ 24; địa chỉ thôn P, xã H có nguồn gốc là thửa đất số 71a, tờ bản đồ số 07, diện tích 340m² kê khai đăng ký chủ sử dụng ông Nguyễn Đức T1, bà Trần Thị H1. Lời khai của ông Nguyễn Đức D1, và ông Nguyễn Đắc B phù hợp với lời khai của ông T1, bà H1, ông O và lời khai của người làm chứng ông Trần Đình Q, ông Lê Văn Nh cùng nội dung văn bản lập ngày 06 tháng 10 năm 2017 đã có căn cứ xác định ông Nguyễn Đắc D là người nhận chuyển nhượng đất của ông T1, bà H1 và xây dựng nhà lợp ngói, tường bao phía sau trên đất chuyển nhượng từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 nên theo Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 ông D có quyền sử dụng đất kê khai, đăng ký thửa số 21, tờ bản đồ số 24; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên và nhà, tường bao phía sau trên đất.

[5] Ông C không cung cấp được cứ chứng minh đã nhận chuyển nhượng đất của thôn trong khi ông T1, bà H1 đều công nhận hiện trạng diện tích đất chuyển nhượng cho ông D phù hợp với hồ sơ địa chính và cung cấp của Ủy ban nhân dân xã H diện tích đất tăng lên là do sai số đo đạc đã có căn cứ xác định ông D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đo đạc thực tế diện tích 397,7m².

[7] Tại phiên toà ông D và bà Nguyễn Thị H2, là vợ đều công nhận đất và tài sản trên đất do ông D tạo lập trước khi kết hôn, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên cấp sơ thẩm buộc ông C và bà A trả ông D đất, nhà và tường bao phía sau là phù hợp quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[8] Lời khai của ông D phù hợp với lời khai của ông D1, ông B đã có căn cứ xác định ông D không phản đối việc ông C sinh sống trên đất nên cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của ông D thanh toán trả ông Cảnh giá trị các công trình đã xây dựng trên đất trong thời gian ông D cho ở nhờ là phù hợp quy định khoản 2 Điều 497 Bộ luật Dân sự. Ông D thừa nhận chỉ xây dựng nhà, tường bao phía sau trên đất nên có căn cứ xác định

ông C bà A đã xây dựng các công trình bếp; 01 nhà tắm; 01 khu chăn nuôi (nhà tạm); 01 nhà tạm lợp Proximang; 01 cây nhãn D30; sân lát gạch đỏ được tổng trị giá 112.764.000 đồng nên sẽ giao ông D sở hữu các tài sản trên và phải thanh toán trả ông C, bà A số tiền 112.764.000 đồng.

[9] Ông D có quyền sử dụng diện tích thửa đất số 21, tờ bản đồ số 24; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên nên yêu cầu của ông D buộc ông C, bà A tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất không được sự đồng ý của ông và sau khi Toà án đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phù hợp khoản 1 Điều 496 Bộ luật Dân sự.

[10] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[12] Án phí: Ông D buộc ông C, bà A tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất nên thuộc trường hợp xác định án phí không có giá ngạch, cấp sơ thẩm buộc ông C, bà A phải chịu án phí có giá ngạch đối với tài sản buộc tháo dỡ là chưa phù hợp nên sẽ sửa án sơ thẩm tính lại án phí sơ thẩm theo quy định. Do sửa án sơ thẩm nên ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đắc C, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ khoản 4 Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự. Điều 100 và Điều 203 Luật Đất đai. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, xử:

Chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Đắc D.

Buộc ông Nguyễn Đắc C và bà Nguyễn Thị A trả ông Nguyễn Đắc D quyền sử dụng đất thửa đất số 21, tờ bản đồ 24; địa chỉ thửa đất: thôn P, xã H, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên đo thực tế diện tích 397,7m² vị trí phía Bắc giáp nhà văn hóa thôn và gia

đình ông Đàm Đức H3 kích thước (11,48+5,63+9,28)m; phía Nam giáp đường bê tông kích thước (8,99+4,20+5,16)m; phía Tây giáp ngõ xóm kích thước 22,20m; phía Đông giáp đường bê tông kích thước (3,15+13,5)m (hình ABCDEFGHI trên sơ đồ kèm theo bản án) và nhà xây lợp ngói diện tích 63,4m², tường bao phía sau nhà dài 8,46m, diện tích 16,92m².

Giao ông Nguyễn Đắc D sở hữu 01 bếp, 01 nhà tắm đổ bê tông, 01 chuồng chăn nuôi (nhà tạm), 01 nhà tạm lợp Proximang, sân lát gạch đỏ, 01 cây nhãn do ông C, bà A xây dựng trên đất được tổng trị giá 112.764.000 đồng.

Ông Nguyễn Đắc D có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

(Vị trí, kích thước và ranh giới đất ông Nguyễn Đắc C, bà Nguyễn Thị A trả ông Nguyễn Đắc D xác định theo sơ đồ kèm theo Bản án và là phần không tách rời của Bản án)

Buộc ông Nguyễn Đắc C, bà Nguyễn Thị A tháo dỡ các tài sản xây dựng trên đất gồm tường bao trước nhà, 02 trụ cổng và hai cánh cổng sắt, nhà xây cấp bốn lợp tôn lạnh cùng bậc hè trước nhà.

Buộc ông Nguyễn Đắc D trả ông Nguyễn Đắc C, bà Nguyễn Thị A giá trị tài sản do ông C bà A tạo lập trên đất trả ông D số tiền 112.764.000 đồng và công sức trông nom, bảo quản tài sản số tiền 50.000.000 đồng; tổng cộng số tiền 162.764.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Ông Nguyễn Đắc C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trả tài sản và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tháo dỡ công trình trên đất.

Ông Nguyễn Đắc C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả ông Cảnh số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0002571 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân huyện Kim Động;
- Chi cục THADS Kim Động;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Quang Tú